



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên

Ngày 31/12/2025	16,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.1%	-6.5%	28.6%

DT thuần Q4/25
1,980
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 113 6.0%
YoY: ▲ 137 7.4%

LN thuần Q4/25
107
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.00 -2.2%
YoY: ▲ 55.3 106%

LN sau thuế Q4/25
85.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.80 -0.9%
YoY: ▲ 63.6 297%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
5.3%
YoY: +/-▲ 3.4%

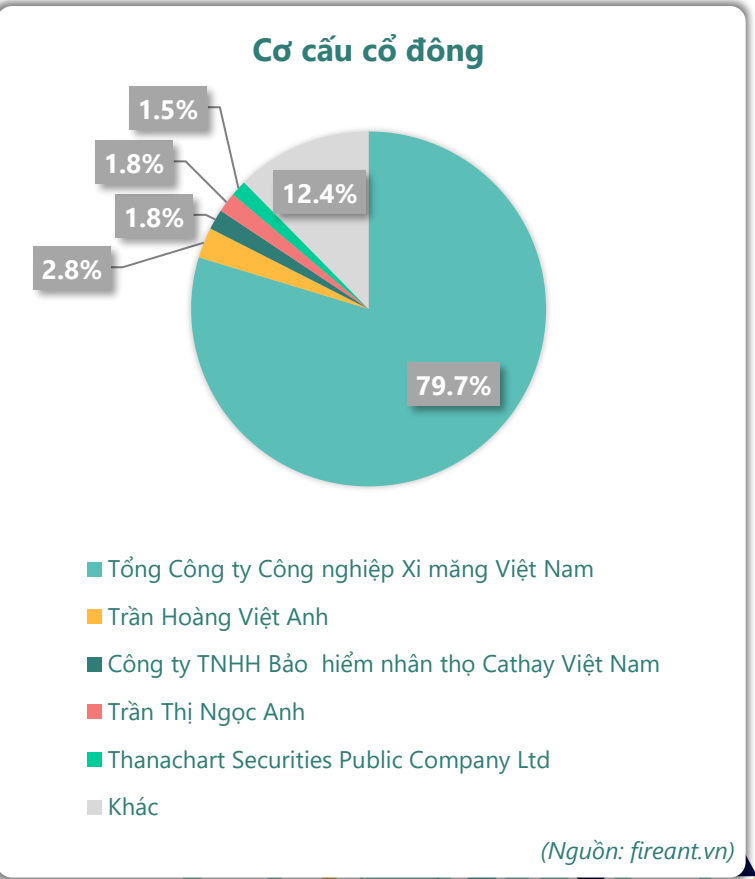
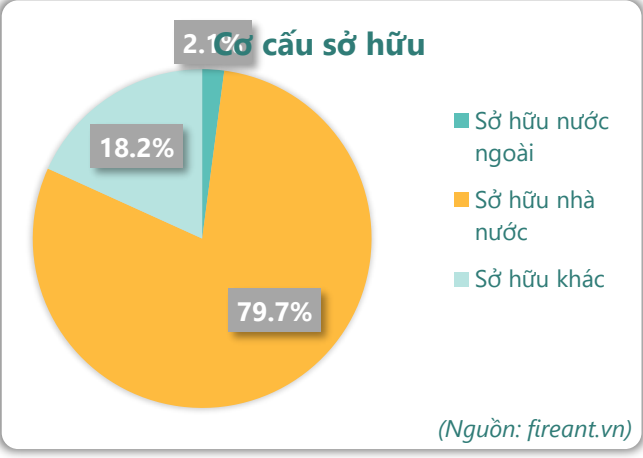
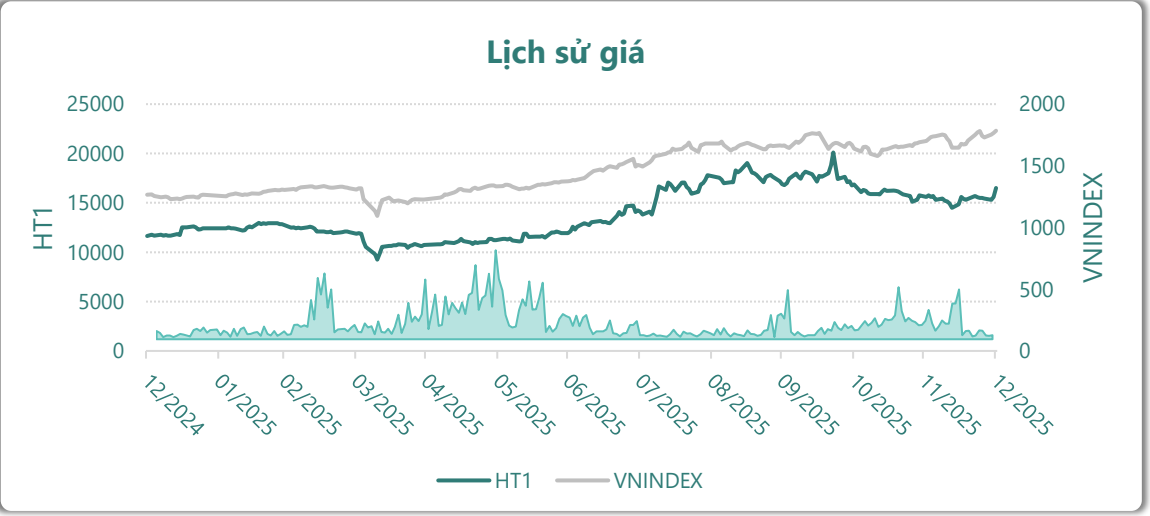
ROE 2025
5.5%
YoY: +/-▲ 4.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,249 - 20,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,296
Số lượng CPLH (CP)	381,589,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	263,601
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	0.64
EPS	717
P/E	23.0

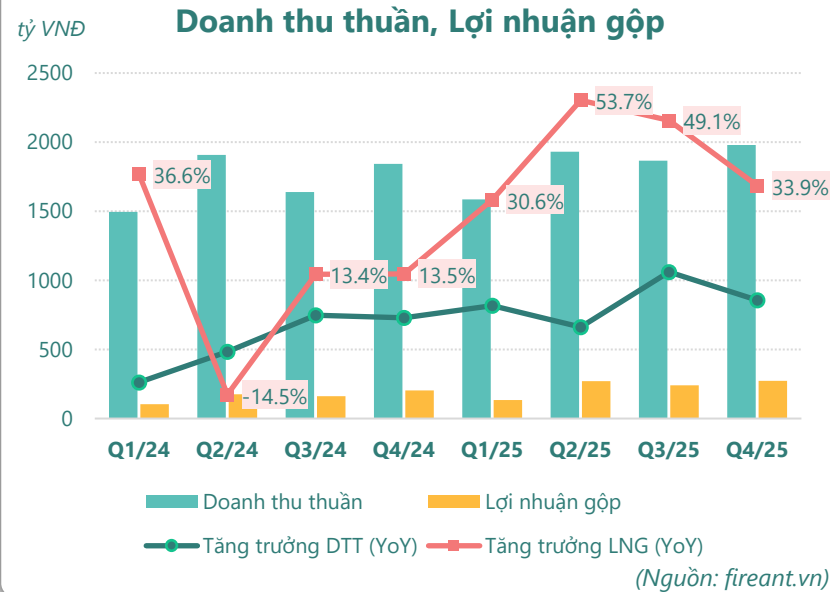
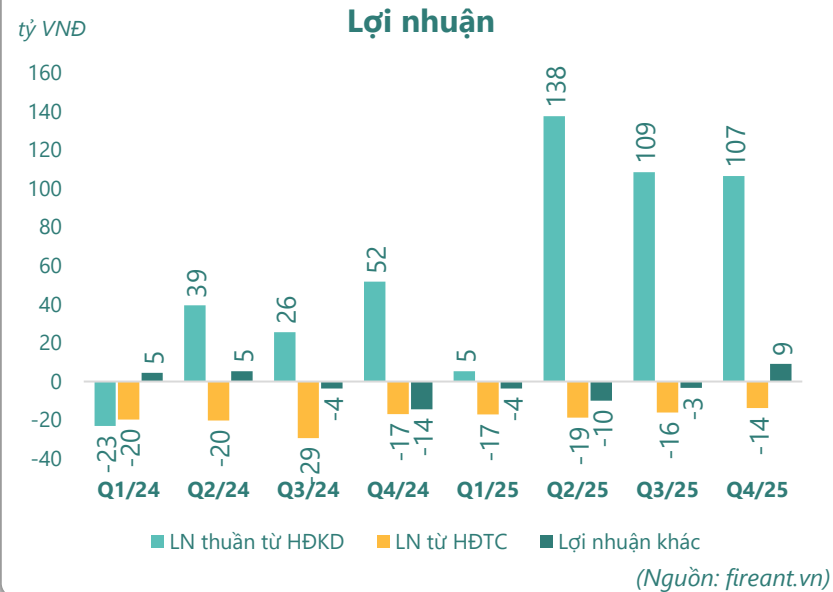
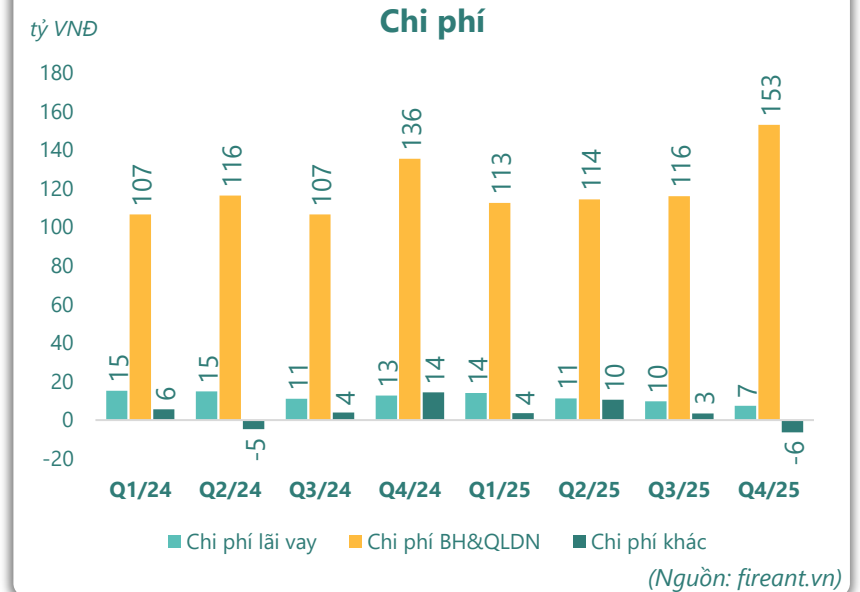
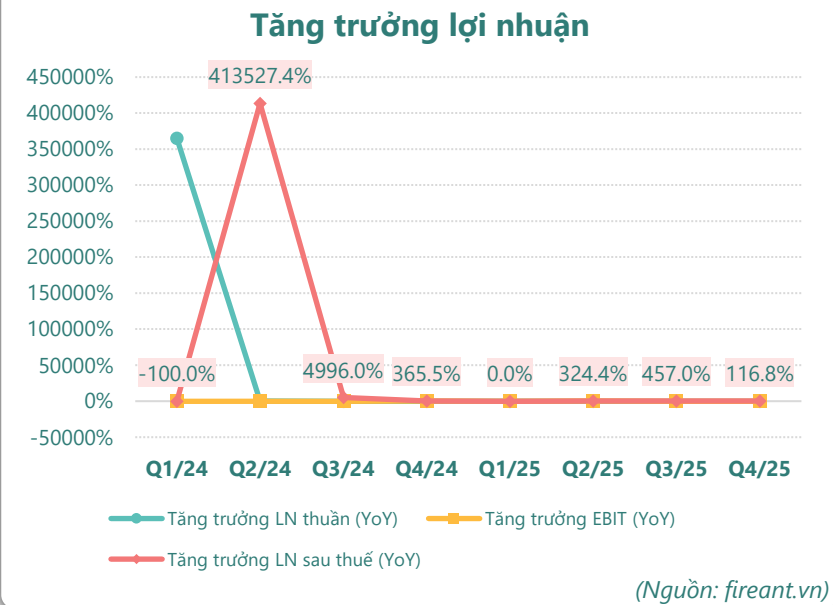
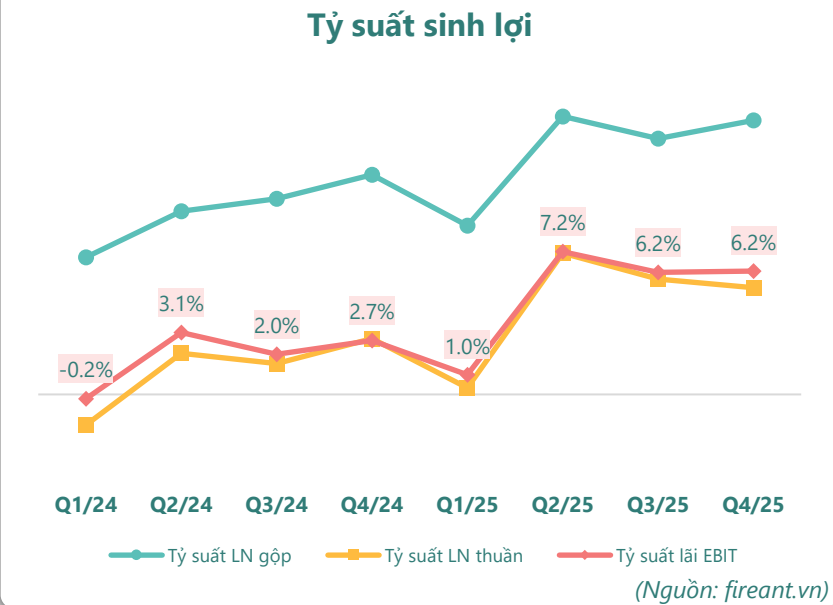
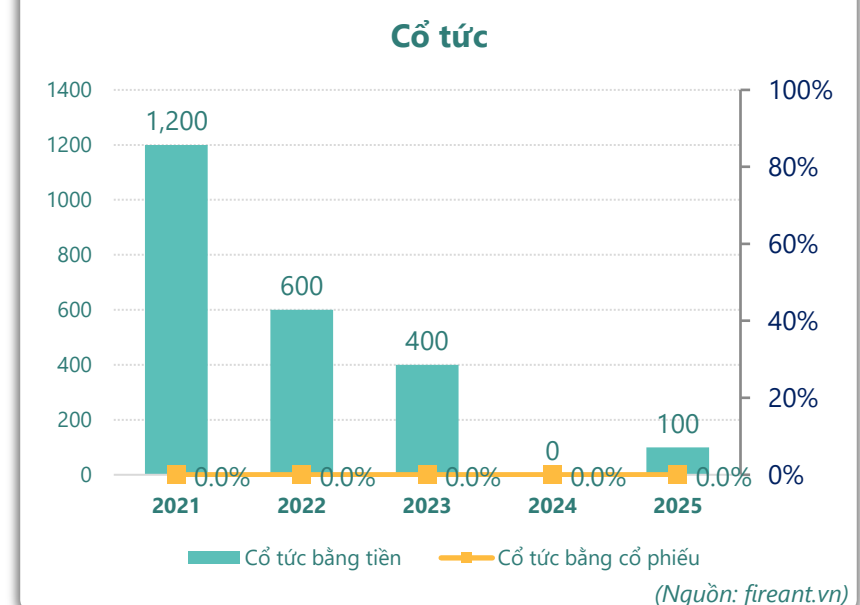
DT thuần 2025
7,364
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 480 7.0%

LN thuần 2025
358
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 269 303%

LN sau thuế 2025
274
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 214 354%



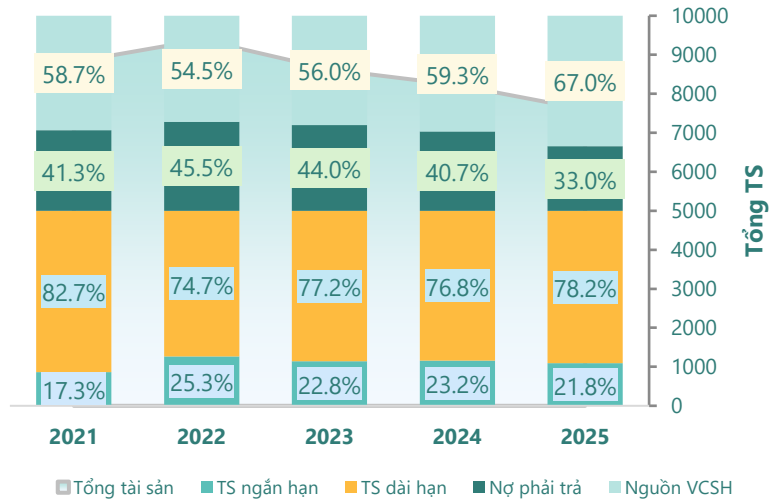
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

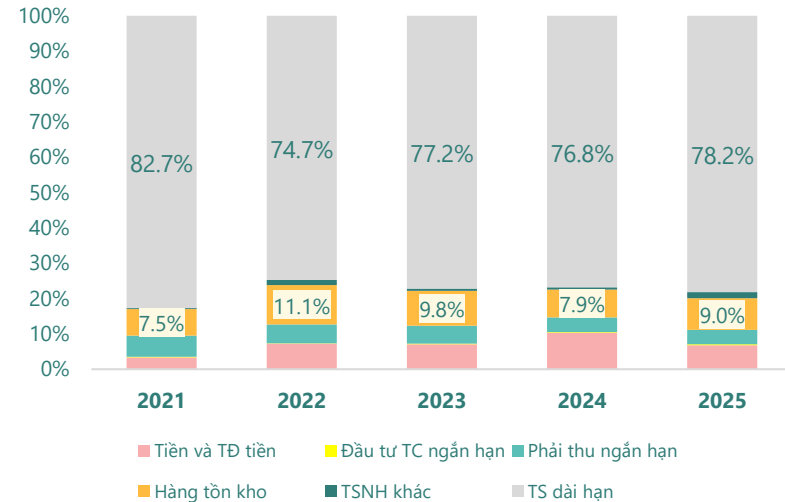
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

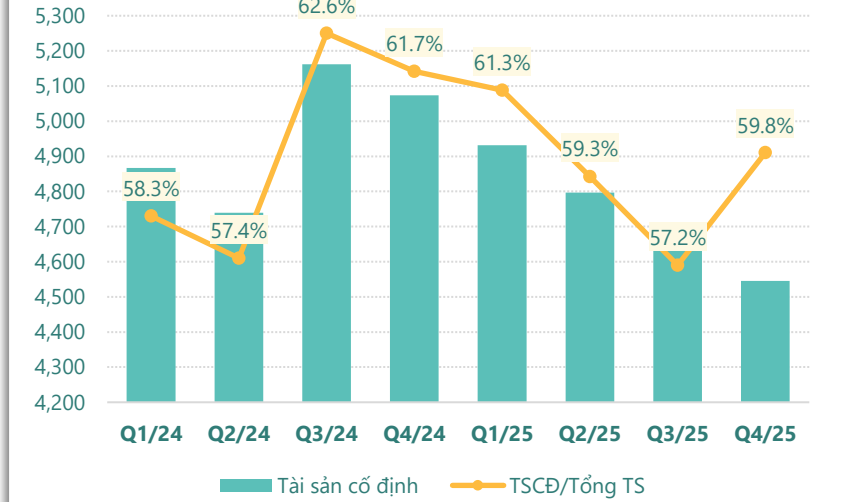
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

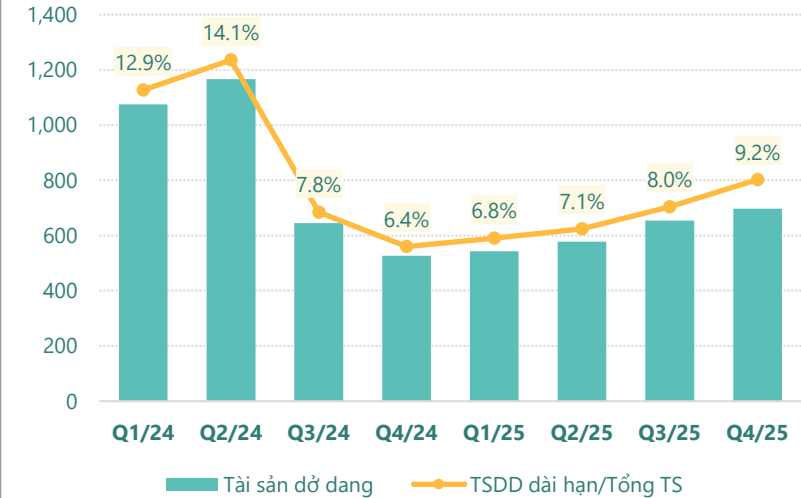
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

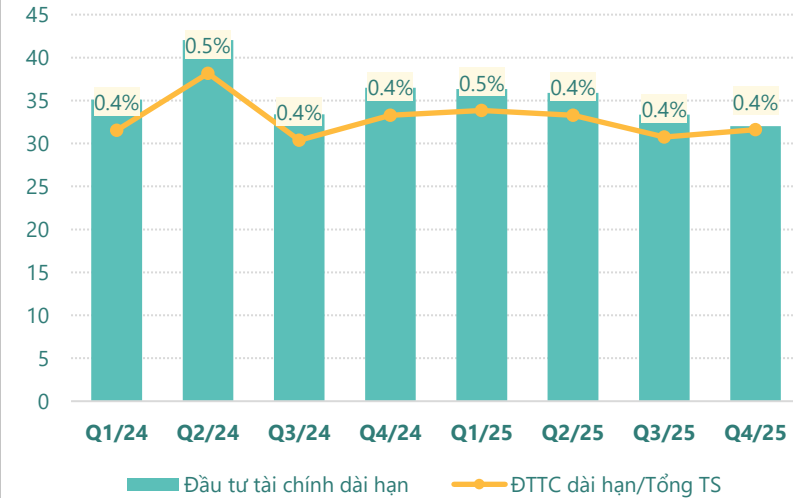
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

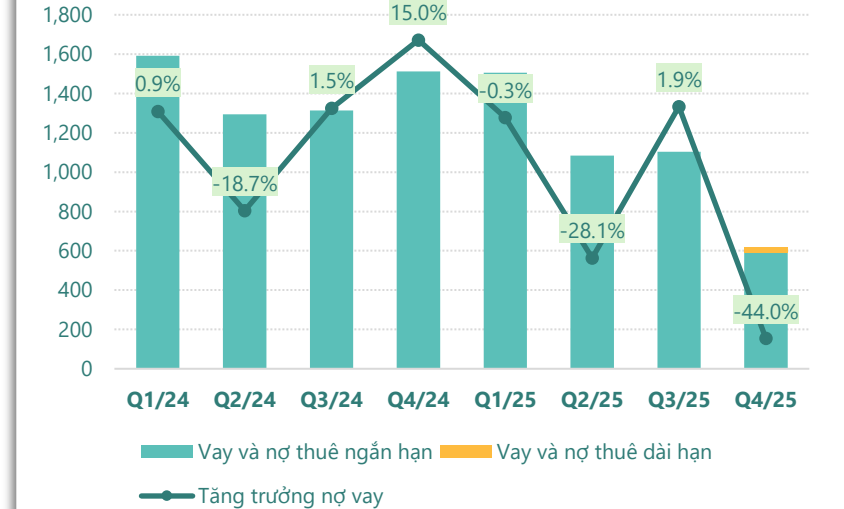
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

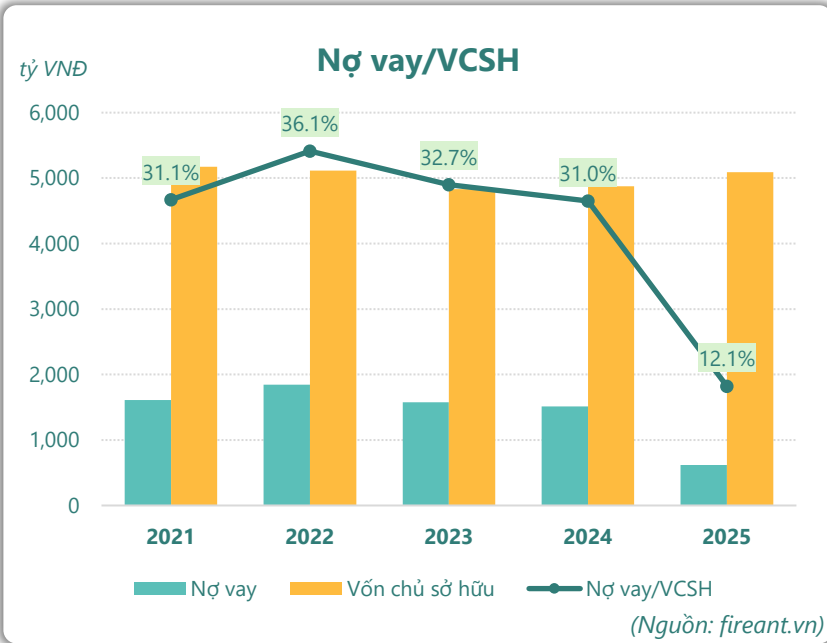
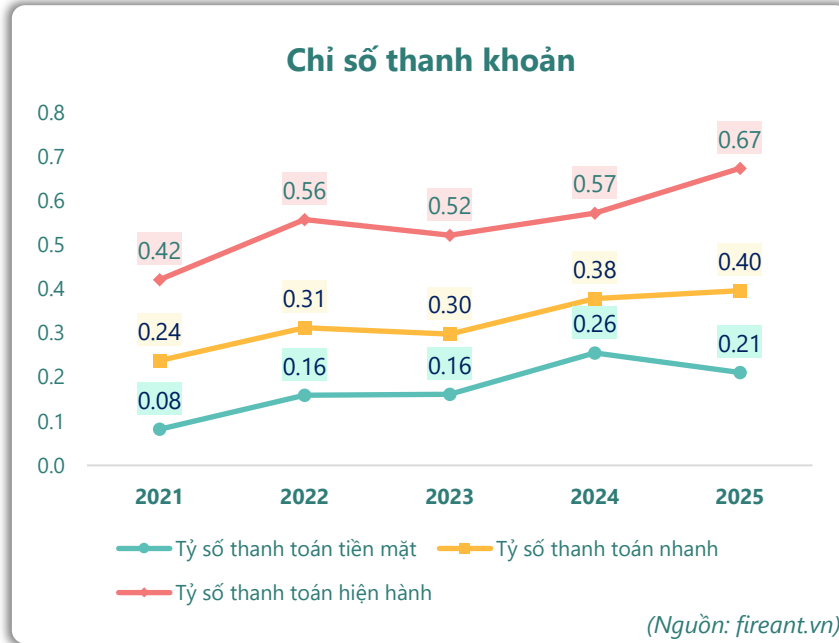
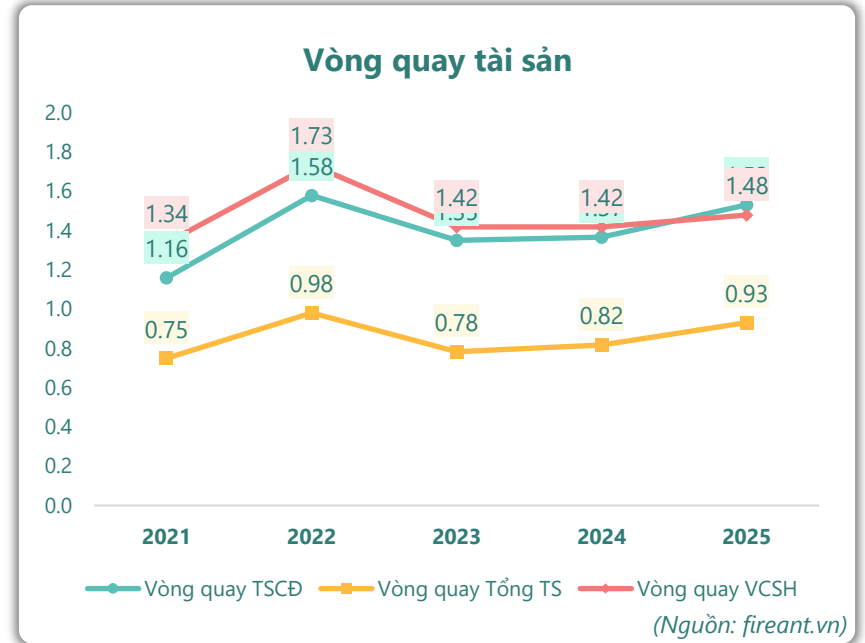
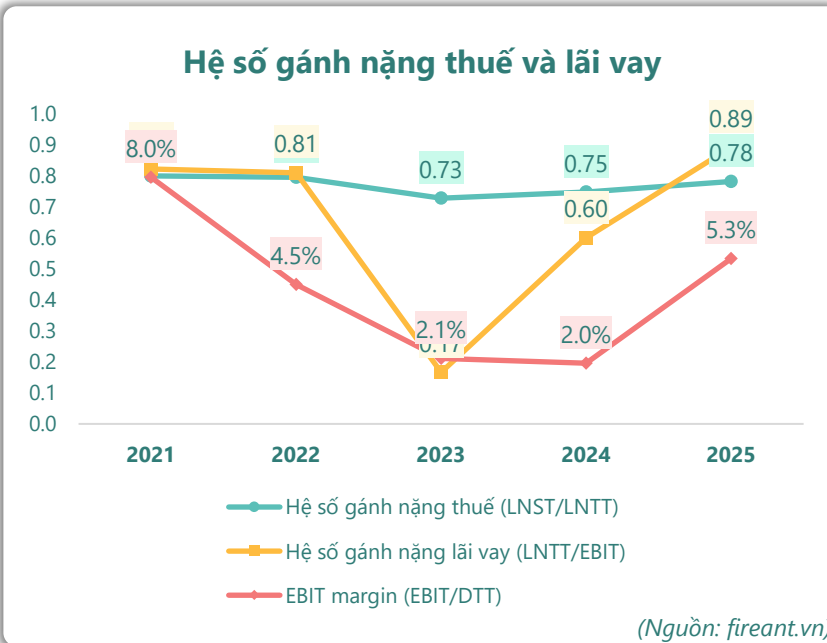
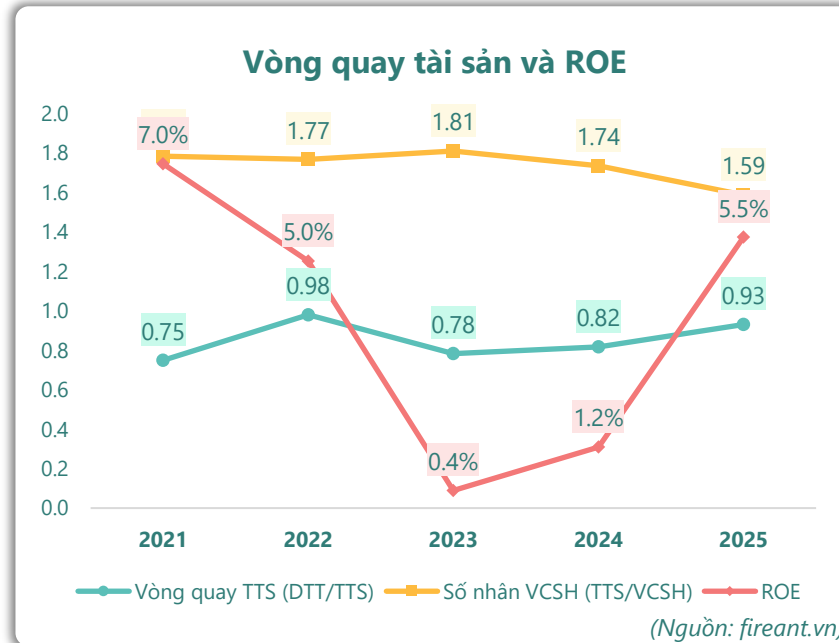
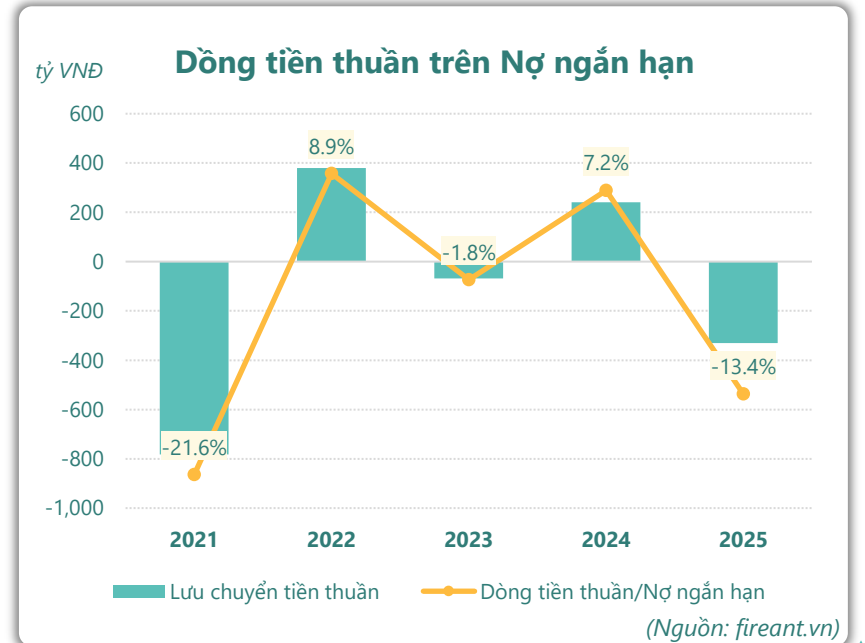
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,980	1,843	7.4%	7,364	6,884	7.0%
Giá vốn hàng bán	1,706	1,639	4.1%	6,444	6,239	3.3%
Lợi nhuận gộp	274	204	34.1%	920	645	42.6%
Doanh thu HĐTC	6.69	3.41	96.1%	22.4	9.62	133%
Chi phí TC	20.4	20.3	0.3%	88.0	95.8	-8.2%
Chi phí lãi vay	7.40	12.7	-41.7%	42.4	53.9	-21.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	60.1	53.7	12.0%	197	186	6.0%
Chi phí QLDN	93.1	81.9	13.7%	300	285	5.3%
LN thuần từ HĐKD	107	51.7	106%	358	88.8	303%
Lợi nhuận khác	9.13	-14.4	163%	-7.63	-8.06	5.4%
LN trước thuế	116	37.4	209%	350	80.8	334%
Lợi nhuận sau thuế	85.0	21.4	297%	274	60.4	354%
LNST của CĐ cty mẹ	84.9	21.3	299%	274	60.1	355%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-223	276	-156	702	-64.8	316
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.0	48.8	-30.3	-33.8	-65.0	-66.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	19.8	197	-5.17	-423	20.1	-524
Tiền đầu kỳ	573	325	849	657	902	792
Lưu chuyển tiền thuần	-246	522	-192	245	-110	-274
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.07	1.50	0.37	0.02	0.01	-0.21
Tiền cuối kỳ	325	849	657	902	792	518

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,600	8,223	-7.6%
Tài sản ngắn hạn	1,657	1,904	-13.0%
Tiền và tương đương tiền	518	849	-38.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.7	17.0	4.2%
Phải thu ngắn hạn	308	342	-9.8%
Hàng tồn kho	683	646	5.6%
Tài sản ngắn hạn khác	130	50.3	159%
Tài sản dài hạn	5,943	6,319	-6.0%
Phải thu dài hạn	26.8	22.7	18.1%
Tài sản cố định	4,546	5,074	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	697	526	32.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	36.5	-12.2%
Tài sản dài hạn khác	641	660	-2.9%
Lợi thế thương mại	0.03	0.07	-50.0%
Nợ phải trả	2,512	3,348	-25.0%
Nợ ngắn hạn	2,460	3,327	-26.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	589	1,511	-61.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,109	1,130	-1.9%
Nợ dài hạn	51.5	21.0	145%
Vay và nợ thuê dài hạn	28.4	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,089	4,875	4.4%
Vốn chủ sở hữu	5,089	4,875	4.4%
Vốn điều lệ	3,816	3,816	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

